

Nhìn lại phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục



1. Đỉnh cao của phong trào duy tân

Bỏ lối học từ chương khoa cử, tập trung cho thường thức và thực nghiệm, dạy cả tiếng Việt, Pháp và Hán văn. Chủ trương này lại xuất phát từ tầng lớp nho gia cuối cùng của Việt Nam. Không chỉ thế, chấn hưng công thương, khai mỏ, lập đồn điền, cắt tóc, xuất dương du học... cũng là chủ trương của họ. Dù chỉ tồn tại trong 9 tháng (5.1907 – 1.1908), nhưng trường Đông Kinh Nghĩa Thục thực sự là đỉnh cao của cuộc cách mạng xã hội to lớn đầu thế kỷ 20 có tên là Duy Tân

Cánh chim đầu đàn

Theo Nguyễn Hiến Lê: “Cụ Tây Hồ (Phan Châu Trinh) là người mở đường cho phong trào Duy Tân ở nước nhà. Lập Nghĩa Thục một phần công lớn là của cụ, gây tư tưởng mới ở Quảng Nam là cụ, đi khắp nơi diễn thuyết là cụ, khuyên quốc dân cắt tóc là cụ, liệng cái phó bẳng ra mà lập hiệu buôn cũng là cụ, bỏ tục nhuộm răng, vận Âu phục bằng nội hoá thì người đầu tiên cũng là cụ”. Thế nhưng, khi Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập, Phan Châu Trinh chỉ nhận làm người tham gia giảng dạy bình thường.

Nhiều tài liệu cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là trường học miễn phí và dạy theo lối cải cách đầu tiên ở Việt Nam. Trước đó, năm 1905 tại Bình Thuận đã ra đời một ngôi trường tư lập, cũng từ chủ trương của cụ Phan Châu Trinh, đó là trường tư thực Dục Thanh, do ông Nguyễn Trọng Lợi mở, ông Lương Thúc Kỳ (nhạc phụ của Phan Khôi) giảng dạy. Phí tổn đều do công ty Liên Thành (cũng do ông Lợi lập) chu cấp. Một số thanh niên Nam kỳ (đất thuộc Pháp) cũng ra đây học. Nguyên cuối năm 1904 Phan Châu Trinh cùng Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc kháng chu du mấy tỉnh miền Trung. Đến Bình Thuận, Phan Châu Trinh bị bệnh phải ở lại. Thời gian này ông cùng với Hồ Tá Bang lập một thư xã ở đình Phú Tài để giảng sách Khang Hữu Vi,

Lương Khải Siêu. Nguyễn Trọng Lợi nhiệt thành dự khán những cuộc thuyết trình ấy. Đây chính là bước tập dượt để Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời.

Đem nhà làm trường

Những cuộc bàn bạc đầu tiên cho sự ra đời của Đông Kinh Nghĩa Thục bắt đầu từ năm 1906 tại nhà ông Lương Văn Can, số 4, phố Hàng Đào, Hà Nội. Chính ra đó là những cuộc luận bàn “quốc sự”. Trong những cuộc luận bàn ấy, Phan Châu Trinh có kể khá cặn kẽ về hoạt động của Kháng Ứng Nghĩa Thục, nơi đào tạo các nhà tiên bối duy tân của Nhật, mà ông có dịp khảo sát trường tận trong thời gian ba, bốn tháng qua Nhật.

Hôm quyết định thành lập, cũng tại số 4 Hàng Đào có mặt các ông Lương Văn Can, Dương Bá Trạc, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học... nhưng lại vắng mặt Tăng Bạt Hổ và Phan Châu Trinh. Người cao tuổi hơn cả là Lương Văn Can được các đồng chí nhất trí tôn làm thực trưởng.

Về tài chánh, hội viên tự ý góp bao nhiêu cũng được và quỳên thêm ở những chỗ quen, hảo tâm. Tiền - thực trưởng quản chi, nhưng sổ sách do Nguyễn Quyền giữ. Dự kiến sẽ lập một trường tại Hà thành, sau đó sẽ phát triển ra các tỉnh. Đến khi chọn địa điểm, do tài chánh còn eo hẹp, Lương Văn Can đề nghị lấy nhà mình làm cơ sở ban đầu, vì nhà có một cái gác tầu mã (1), chứa được vài trăm học sinh, mặc dù dưới đất đang là cửa hàng kinh doanh tơ lụa của vợ ông. Dự kiến khi học sinh đông hơn, sẽ mượn thêm nhà số 10 ở bên cạnh. Nhà này còn rộng hơn nhà ông Can, vốn là của ông Hương cống Sùng, một phú gia bậc nhất đất Hà thành hồi trước, giờ đã bán lại cho ông Phạm Lãm và đang rất trống vì ông Lãm đi làm Bộ chánh ở Vĩnh Lại, Hưng Hoá. Nhà này ăn thông từ Hàng Đào sang Hàng Quạt, dài trên 50m, có chỗ rộng hơn 30m, cũng có gác tầu mã và cả một hoa viên. Về sau trường đã thuê được địa điểm này để phát triển theo dự kiến.

Hai người đảm nhiệm việc lập các thủ tục xin phép lập trường tại phủ Thống sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn.

Cả nhà cùng “Nghĩa Thục”

Dù chỉ bằng truyền miệng, nhưng tin tức trường Đông Kinh Nghĩa Thục sắp ra đời lan rất nhanh khắp cả hai vùng đất bảo hộ, miền Bắc và miền Trung. Việc học trò đi học không phải mất tiền là một việc chưa từng có. Nhưng điều mà người ta chú ý nhiều hơn cả là về các vị giáo sư sẽ giảng dạy ở đây. Họ là những danh sĩ tâm huyết của đương thời, không chỉ có những tú tài, cử nhân nhưng bất cần áo mão cân đai, mà còn có cả những nhà trí thức tây học tên tuổi. Danh sách ứng sinh đăng ký theo học dồn dập đổ về địa chỉ số 4 Hàng Đào. Trong khi đó thủ tục xin phép đã nộp gần hai tháng mà nha Thống sứ vẫn cứ im lặng. Nguyên do là vì... cái tên. Nghĩa Thục là trường dạy không lấy tiền, nhưng mật thám Pháp lại thấy nó gần với hai chữ

nghĩa quân, là từ mà dân chúng đang gọi quân gia của ông Hoàng Hoa Thám trên Yên Thế! Một phụ huynh, là dân Tây học, nóng lòng xin cho con học, mách nước với ông Lương Văn Can: Theo lệ Tây, chưa cho phép mà không bác bỏ, xem như mặc hứa. Vì vậy có thể mở lớp ngay được. Nhưng để an toàn, nên mở ngay hai lớp nhỏ nhất, một lớp cho con trai, một cho con gái và chỉ dạy chữ quốc ngữ. Quốc ngữ là lợi khí để khai dân trí, nhưng hợp với chiêu bài “khai hoá” mà người Pháp không có lý do gì cấm.

2. Chấn hưng công thương, kỹ nghệ

“Tôi cầm bút ký tờ đơn mãi mà tay run lên. Từ nhỏ, có bao giờ dám động tới di sản của tổ tiên đâu”. Đó là lời thuật lại sau này của bà Lương Văn Can khi bà ký vào giấy tờ bán hiệu buôn Quảng Bình An ở Hàng Ngang, lấy 7.000 đồng đưa chồng tiêu vào việc trường

Những tấm lòng vàng

Theo Nguyễn Hiến Lê, những nhà quyền tiền nhiều nhất là hiệu kim hoàn Thế Xuân ở Hàng Bạc và hiệu hàng tấm (tơ lụa) Phúc Lợi ở Hàng Ngang. Hồi mới phát động, dân khí đang lên, ai nghe nói giới cựu học và tân học bắt tay nhau mở mang dân trí, chấn hưng đất nước cũng hăm hở kẻ góp công người góp của. Nhưng việc chi tiêu cho Đông Kinh Nghĩa Thục đâu phải nhỏ mà chỉ dựa vào lòng hảo tâm, thành ra không bao lâu, việc tiền bạc trở thành gánh nặng to lớn. Chỉ sau nửa năm hoạt động, bà Lương Văn Can phải bán đi hiệu buôn như phần trên đã nói.

Đưa môn kinh tế vào trường

Điều này chính Phan Châu Trinh cũng đã tiên lượng, khi bàn đến việc quyền tiền, ông có nói: “Chúng ta có cái dũng khí độc lập cả ngàn năm rồi, trăm lần bẻ mà không gãy. Tôi có dịp chu du các nơi, những người hưởng ứng có tới số ngàn, chỉ tiếc một điều, người có hàng sản thì không có hàng tâm, người có hàng tâm thì hầu hết là bần sĩ, mỗi khi nghĩ tới việc đó, tôi thường thở dài, biết làm sao đây?”. Trước đó, chính Phan Châu Trinh cũng là người đầu tiên nêu gương chấn hưng thực nghiệp khi cho khai trường Quảng Nam thương hội, mở xưởng dệt rồi may cho mình một bộ Âu phục bằng chính thứ vải tự dệt ấy.

Cho nên mở mang công thương nghiệp lúc đó là vấn đề cấp bách, trước mắt là kiếm tiền trang trải cho Đông Kinh Nghĩa Thục và ủng hộ các học sinh Đông du. Về lâu dài, nó là nền tảng của toàn bộ công cuộc duy tân đất nước.

Những chủ trương phát triển công thương, kỹ nghệ này trước hết được đưa vào trong chương trình học của nhà trường. Sách Quốc dân độc bản, một tài liệu giáo khoa quan trọng của trường, có 79 bài thì có tới 24 bài (từ bài 56

đến bài 79) đề cập trực tiếp đến các vấn đề thuộc về kinh tế, kỹ nghệ. Cho đến nay chưa biết được các soạn giả đã tham khảo các nguồn tài liệu nào để viết về các vấn đề kinh tế học. Theo phỏng đoán có thể họ tham khảo từ các sách Tân văn, Tân thư và Tân báo (từ Trung Quốc, Nhật Bản), các sách báo kinh tế của người Pháp, và từ chính các vấn đề kinh tế nổi cộm đang diễn ra ở Việt Nam lúc đó. Trong các luận điểm về kinh tế mà các soạn giả nêu ra khá nhiều dẫn chứng từ các nước Âu, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Khi nhà nho đi buôn

Tiên phong trong việc này ở đất Bắc là ông Đỗ Chân Thiết. Năm 1904, nhân vua Thành Thái ra bái yết lăng tẩm tổ tông ở làng Gia Miêu, Thanh Hoá, Đỗ Chân Thiết cùng Phương Sơn thảo Hưng Quốc sách, nhảy xe lửa vào tận Thanh Hoá định dâng vua, nhưng bị viên tổng đốc Thanh Hoá gàn cản, việc không thành. Hai ông trở về Hà Nội, rủ nhau đi buôn, mượn thuyền về Hải Dương chở gạo lên Hà Nội bán. Thuyền về đậu bến cột Đồng Hồ mấy ngày, dân buôn thấy thuyền của ông Cử, ông Nghè không ai dám tới mua, sau nhờ một bà xuống bán dùm, chỉ nửa buổi đã hết. Sau hai ông gọi thêm vài người đồng chí hùn vốn được vài ngàn bạc, mở hiệu Đồng Lợi Tế ở phố Mã Mây, chuyên bán hàng nội hoá và tiệm thuốc bắc, hiệu Tuy Phương gần ga Hàng Cỏ.

Ông Hoàng Tăng Bí mở hiệu Đông Thành Xương ở Hàng Gai, vừa buôn bán vừa làm công nghệ, lần đầu dùng khung cửu rộng dẹt xuyên bông nhuộm đen; chế các loại trà mạn, trà tàu, trà ướp sen. Hiệu Các Thành ở Hàng Gai, hiệu Hồng Tân Hưng ở Hàng Bồ cũng mở vào lúc ấy.

Phong trào từ đó lan ra các tỉnh. Ông Tùng Hương mở hiệu Phúc Lợi Tế ở Phúc Yên và Hưng Lợi Tế ở Hưng Yên. Ở Việt Trì, ông Nguyễn Trác mở hiệu Sơn Thọ. Hai hiệu Sơn Thọ và Đông Thành Xương có vốn lớn nhất, trang hoàng đẹp, bán nhiều đồ nội hoá như quạt lông, đồ tre đan Đại Đồng Sơn, khai trúc Nghệ An, giày Kinh, lãnh Bưởi, lãnh Sài Gòn...

Lập đồn điền, khai mỏ

Nghĩa Thục còn khuyến khích đồng chí lập đồn điền để khuyến khích nông nghiệp. Ông Bùi Đình Tá cùng hùn vốn với người bạn là Phan Tứ, khai phá một đồn điền ở Mỹ Đức, gần chùa Hương. Ông Tá là dân Tây học, đỗ đạt, được bổ thông ngôn rồi thăng tham tá. Chẳng những là người nhiệt tâm dạy giúp Nghĩa Thục từ khi mới mở, ông còn là người lập ra một cô nhi viện đầu tiên ở Việt Nam. Việc ông mở đồn điền ở Mỹ Đức là để có phương tiện nuôi trẻ mồ côi. Trên Yên Bái còn có một đồn điền được khai phá ở Yên Lập, rộng 50 mẫu, khai rừng đốt than và trồng ngô, lúa. Vì đây là vùng rừng âm, nước độc, nhân công từ xuôi lên lần lượt ngã bệnh, rồi cũng phải bỏ dở.

Một việc ít ai biết là những người trong Nghĩa Thục còn có nhiều chuyến sục sạo trên vùng thượng du Bắc Việt và đã tìm được một số mỏ như than, chì, kẽm, lưu huỳnh... Một đoạn ghi chép của Nguyễn Hiến Lê: “Các cụ lên miền rừng núi, hỏi dò thổ dân, thấy chỗ nào nghi có quặng là đem về ít cục đá, đất, giao cho phòng thí nghiệm phân tích sau khi đóng tiền 5 đồng mỗi lần. Nếu phòng thí nghiệm bảo là có quặng, các cụ đóng thêm tiền, đón kỹ sư đến tận nơi xem xét, sau cùng mượn người cắm mốc bốn bên, vẽ bản đồ xin đóng thuế khai mỏ”.

Nói chung, giới nho sĩ chủ trương đều thiếu kinh nghiệm quản trị, thiếu vốn, thiết bị kỹ thuật nên các công trình chỉ để lại tiếng vang, kích thích lòng yêu nước là chính. Tuy nhiên, các cơ sở kinh tế nói trên còn là nơi gặp gỡ thuận tiện để họ bàn bạc chuyện khác, quan trọng và cao cả hơn.

3. Người mở cửa Đông Du

Không chỉ góp tiền của và công sức cả nhà cho Đông Kinh Nghĩa Thục, trong bốn thanh niên Việt Nam đầu tiên xuất dương qua Nhật mở màn cho phong trào Đông du, còn có hai người là con trai của ông Lương Văn Can.

Tiếng khóc mất nước trước Nhật hoàng

Chiến thắng vẻ vang của Nhật trong cuộc chiến tranh với Nga (1904-1905) dẫn đến hoà ước Portsmouth, đem lại cho Nhật hải cảng Lữ Thuận, phía nam Sakhaline và con đường xe lửa phía nam Mãn Châu. Sự kiện trên khiến các nước châu Âu giật mình vì một châu Á đang trỗi dậy, nó còn đem lại niềm khích lệ lớn cho giới sĩ phu yêu nước Việt Nam là theo gương tự cường của nước Nhật để đánh đuổi thực dân Pháp.

Trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật ấy, có một người Việt tham dự trong lực lượng thủy quân của Nhật và lập công lớn trong các trận Đại Liên, Lữ Thuận, được nước Nhật thưởng huy chương quân công. Người đó là Tăng Bạt Hổ. Được mời dự trong bữa đại yến do Nhật hoàng đãi các tướng sĩ mừng chiến thắng, khi đỡ chén rượu do vua Nhật ngự rót, Tăng Bạt Hổ uống một hơi cạn rồi khóc lớn. Thấy lạ, Nhật hoàng hỏi, thì ông nói rằng ông khóc mừng cho nước Nhật thắng trận và cũng khóc vì cái nhục của nước ông là Việt Nam còn trong ách xâm lược của thực dân Pháp.

Tăng Bạt Hổ người Bình Định, tham gia quân đội triều đình, làm đến chức cai cơ, ông cùng với Phạm Toàn mộ nghĩa quân chống Pháp. Sau nhiều trận thất bại, nghĩa quân tan rã, không chấp nhận dụ hàng, ông trốn qua Thái Lan, rồi sang Trung Quốc xin làm thủy thủ cho một tàu buôn. Nhờ đó ông thường có dịp qua lại các hải cảng Nhật, tự học và nói thông tiếng Nhật. Khi chiến tranh Nga - Nhật xảy ra, vì lòng căm hờn người Âu, ông đăng ký vào thủy quân Nhật.

Rước Phan Bội Châu sang Nhật

Dù được an ủi và khen là chân ái quốc, nhưng vua Nhật cũng không hứa hẹn gì. Nhưng tiếng khóc của ông tại hoàng cung Nhật đã gây được cảm tình lớn với nhiều tướng lĩnh và chính khách, đặc biệt với hai nghị sĩ Nhật là Khuyển Dưỡng Nghị và Đại Ôi Trọng Tín. Hai ông nghị này rất muốn tranh thủ Nhật hoàng viện trợ cho Việt Nam kháng Pháp, nhưng do tình hình khi đó Nhật còn muốn hoà hoãn với Pháp, nên họ khuyên Tăng Bạt Hổ nên tìm cách phát triển phong trào duy tân trong nước để nâng cao dân khí, dân trí cho đại sự về sau dễ thành và hứa tận lực giúp cho học sinh Việt Nam sang Nhật được phép cư trú và miễn học phí.

Cuối 1904, Tăng Bạt Hổ về Hải Phòng rồi vào Quảng Nam. Qua giới thiệu của ông Nguyễn Thành (2), ông nhiều lần gặp gỡ Phan Bội Châu và Kỳ ngoại hầu Cường Để. Đầu năm 1905, ông đưa Phan Bội Châu sang Nhật bằng tàu thuỷ, từ Hải Phòng.

Mở ra con đường Đông Du

Sang Nhật, qua Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu nhiều lần hội kiến với Khuyển Dưỡng Nghị, Đại Ôi Trọng Tín và đại tướng Phúc Đảo. Để tránh những rắc rối về ngoại giao có thể xảy ra với thực dân Pháp, các nhân vật trên nhất trí giao phó việc huấn luyện học sinh Việt Nam cho Đông Á đồng văn hội, vì hội này là hội phi chính phủ, lấy danh nghĩa một tổ chức của dân Nhật giúp đỡ một tổ chức của dân Việt Nam, là một việc làm hợp pháp, không liên can gì tới chính quyền Nhật. Việc học, tập trung vào hai phần: 1/ Quân sự chuyên môn; 2/ Phổ thông tri thức. Đông Á đồng văn dành năm phòng học để dạy riêng cho học sinh Việt Nam.

Cao điểm của phong trào Đông du (1907–1908), con số du học sinh Việt Nam ở Nhật ước lượng chừng 200, Nam kỳ hơn 100 người, Trung kỳ chừng 50 người, Bắc kỳ hơn 40 người. Sở dĩ phong trào Đông du phát triển mạnh ở Nam kỳ là do ông Phan Bội Châu có nhiều mối quan hệ đồng chí với những nhà cách mạng ở vùng đất thuộc địa này. Năm 1903, trong chuyến du Nam, vào tận vùng Thất Sơn (An Giang), căn cứ địa cuối cùng của lực lượng cần vương miền Nam, trên đường trở về, ghé qua Sa Đéc, Phan Bội Châu có hội kiến với hai ông Đặng Thúc Liên và Nguyễn Thần Hiến. Sau này ông Hiến là người lập ra Khuyến du học hội ở Nam kỳ và cho con trai là Nguyễn Như Bích qua Nhật, khiến sĩ phu ở đây hưởng ứng rất đông và đóng góp cho phong trào rất nhiều tiền bạc, vì phần đông họ là những đại điền chủ.

Hỗ phụ sinh hồ tử

Trong Ngục trung thư Phan Bội Châu có kể, sau chuyến về nước thu xếp cho ông Cường Để sang Nhật, khi trở qua nhà trọ cũ ở Hoàn Tân thì gặp

Lương Ngọc Quyến (con ông Lương Văn Can) đang đợi ở đó. Anh thanh niên này đã vượt biển trốn sang Nhật, khi lên bờ trong túi chỉ còn vòn vện 3 xu. Rồi một hôm Quyến nhịn đói một mình từ Hoàn Tân lên Đông Kinh, mất 1 ngày, 1 đêm. Không có chỗ ngủ, anh đi vào sở cảnh sát. Sáng ra, cảnh sát hỏi gì anh cũng không biết, vì không biết tiếng Nhật. Sau khi cảnh sát cho “bút đàm” thì biết anh là thiếu niên... Ấn Độ. Thấy lạ, thương tình, cảnh sát cho tiền để anh đi xe lửa về Hoàn Tân. Quyến dùng tiền ấy chu du khắp Đông Kinh mấy ngày và tình cờ vào toà báo Dân Báo của những nhà cách mạng Trung Quốc tại Nhật. Khi rõ hết tình cảnh, chủ bút Chương Thái Viêm đã nhận Quyến vào làm việc, ngạch tam đẳng thư ký.

Trở lại Hoàn Tân, Lương Ngọc Quyến đưa hai thanh niên mới từ nước nhà qua là Nguyễn Thức Canh và Nguyễn Điền lên Đông Kinh. Phan Bội Châu giữ Lương Nghị Khanh (3) ở lại Hoàn Tân với mình.

Sau khi đưa Phan Bội Châu sang Nhật, Tăng Bạt Hổ về nước đi khắp Bắc, Trung, Nam vận động Đông du. Một lần tiếp kiến Lương Văn Can, ông Can nói: “Chúng ta đã vào hàng lão, nên đặt hy vọng vào bọn hậu tiến”. Được lời như cời tấm lòng, Tăng Bạt Hổ bày tỏ mục đích về nước của mình. Do cuộc hội đàm đó mà hai người con cụ Lương có mặt trong số bốn thanh niên đầu tiên của phong trào Đông du.

4. Thực hành ở Nam kỳ

Khi vào đến Nam kỳ, phong trào Duy Tân có tên gọi là Cuộc Minh Tân (công cuộc minh đức, tân dân). Trụ cột của phong trào là ông Trần Chánh Chiếu

Sợi dây liên hệ

Ông Trần Chánh Chiếu sinh 1867 tại Rạch giá trong một nhà điền chủ khá giả. Sau khi học hết trường tỉnh, được một linh mục giới thiệu, ông lên Sài Gòn vào học ở trường Collège d’Adran. Vì nhập quốc tịch Pháp nên ông còn được gọi là Gilbert Trần Chánh Chiếu (viết tắt là G. Chiếu).

Thời đó, ông Chiếu có người con là Trần Chánh Tiết du học tại Hương Cảng, trường Saint Joseph, dạy tiếng Anh. Ông Chiếu do có Pháp tịch nên dễ dàng qua lại Hương Cảng thăm con. Do đó, ông có được nhiều dịp gặp và luận đàm cùng ông Phan Bội Châu tại Hương Cảng, rồi bí mật sang Nhật để gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Lẽ lối làm việc của ông khá thiết thực vì là người chịu ảnh hưởng tân học. Ngoài ông Chiếu, các nhân vật quan trọng của phong trào ở Nam kỳ còn có Nguyễn Thần Hiến, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương (thân phụ nhà cách mạng Nguyễn An Ninh)...

Những hoạt động nổi bật ở Nam kỳ là khuyến khích người Việt tự cường bằng cách liên kết với nhau thành lập các công ty, các cơ sở thương mại, tài chánh tín dụng, phát triển công nghệ, dịch vụ... hòng cạnh tranh với tư bản

Pháp và Hoa kiều lúc ấy đang thống lĩnh nền kinh tế Nam kỳ

Ý tưởng có một tập đoàn kinh tế

Trong những chủ trương phát triển công kỹ nghệ của ông Trần Chánh Chiêu thì việc thành lập công ty Nam Kỳ Minh Tân công nghệ có thể được xem là táo bạo nhất. Đây là công ty gồm nhiều cổ phần, đa số người đóng góp là giới điền chủ và công chức, cổ động đầu 1908, thành lập công khai theo luật hiện hành vào 1.6.1908 trong buổi họp ở văn phòng viên chưởng khế Aymard tại Sài Gòn, với bản điều lệ gần giống như các công ty của người Pháp lúc bấy giờ. Đến tháng 8.1908 đã quy tụ hơn 3.000 cổ đông. Điều lệ ghi rõ: “1/Lập lò nghệ tại Nam kỳ: lò chỉ (kéo sợi bông vải), lò dệt, lò savon (xà bông), thuốc da và pha ly (thuỷ tinh)... 2/Dạy con nít làm các nghề ấy. M.Gilbert Chiêu làm tổng lý công ty. Quán chánh công ty ở tại thành Mỹ Tho”.

Tháng 9.1908 xà bông công ty Minh Tân tung ra thị trường, cạnh tranh rất hiệu quả với xà bông trên thị trường đồng thời, khiến hút thêm số lượng khá lớn cổ đông mới.

Báo Lục Tỉnh Tân Văn số 39 (30.8) thấy rao: “Tổng lý là G. Chiêu ra thông cáo cho biết ai có hùn vốn thì có quyền gởi con đến học nghề, thời hạn học là 7 năm, công ty nuôi cơm nước còn quần áo, mừng mền thì cha mẹ phải chịu. Công ty lo nhà ngủ, nhà ăn cho học trò, đứa nào học giỏi sẽ được hưởng lương tháng, sau đó, khi biết nghề rồi phải giúp việc cho công ty 7 năm”. Trong thời gian biểu học tập thấy ghi rõ các phần học nghề, học chữ quốc ngữ, học chữ “Lang sa”, thời gian luyện tập thể thao và dọn dẹp vệ sinh, cả phần: “Ngày lễ theo đạo Thiên Chúa hoặc theo đạo Thích Ca, học trò được đi làm việc bổn phận”.

Ngoài công ty lớn trên đây, đáng chú ý là hai khách sạn hoạt động với mục đích làm kinh tài cho phong trào, đồng thời cũng là nơi tụ họp để che mắt nhà cầm quyền thực dân: Minh Tân khách sạn ở Mỹ Tho và Nam Trung khách sạn ở Sài Gòn.

Sôi nổi “công nghiệp hoá”

Cùng với Nam Kỳ Minh Tân công nghệ, một phong trào đưa ra những đề án, những cuộc vận động để thành lập những cơ sở công kỹ nghệ hưởng ứng cuộc Minh Tân nở rộ ở Sài Gòn và nhiều tỉnh Nam kỳ. Xin nêu ra vài cơ sở có tiếng vang đương thời.

Ông Nguyễn An Khương lập ra Chiêu Nam Lầu, tầng dưới bán cơm theo lối bình dân, tầng trên bán cơm sang trọng hơn, tầng trên cùng làm khách sạn.

Công ty nhà in: “Hội này lập ra là có ý muốn mua một cái nhà in để mà in

nhật trình, cùng là sách vở và in công việc cho quan làng và người mua bán, sách nói đủ việc cơ xảo, bán giá rẻ cho mọi người, lớn, nhỏ, già, trẻ, nghèo, giàu đều đọc được” (Lời rao trên Lục Tỉnh Tân Văn).

Mỹ Tho Minh Tân tức mẽ tổng cuộc: được hình dung như là một tổng công ty xuất khẩu lúa gạo. Người khởi xướng là ông phó tổng Trần Văn Hải ở làng Lương Phú, tổng Thạnh Quới, hạt Mỹ Tho.

Y Dược công ty: hình thức như một cơ sở bào chế Đông Nam dược, làm ra các loại thuốc ta dạng tán, dạng nước, dạng viên, ngâm rượu...

Nam Hoà Thạnh: Hội thương mại này nhóm đại hội ngày 19.4.1908 tại châu thành Biên Hoà, có mặt 130 ông, góp vốn được 11.500 đồng.

Chợ Lớn Nam Chấn Thành thương xã: số vốn 40.000 đồng, người góp vốn khắp 6 tỉnh Nam kỳ.

Tân Thành thương cuộc: tiệm này ở Bến Tre mua lúa với số lượng nhiều để bán cho nhà máy và xay ra để bán lẻ.

Ngoài việc kêu gọi góp vốn thành lập các cơ sở kinh doanh của người Việt, ông G. Chiếu còn chủ trương lập ở Sài Gòn một tổ chức kinh doanh tài chánh, dạng như một ngân hàng tín dụng. Gọi là Hãng cho vay Sài Gòn – Chợ Lớn.

Sử dụng công cụ báo chí

Để yểm trợ phong trào, một tờ báo công khai ra đời lấy tên là Lục Tỉnh Tân Văn ra hàng tuần. Báo ra ngày 14.11.1907 do ông F.H. Schneider - một chủ nhà in người Pháp sáng lập, ông Trần Chánh Chiếu làm chủ bút. Nhiều nhân sĩ ở các tỉnh Nam kỳ góp bài vở, có người ở miền Trung (ông Hồ Tá Bang) hoặc ở Cao Miên (ông Trương Duy Toản) cũng gửi bài.

Một chi tiết đáng chú ý: năm 1907 ở Hà Nội, Đảng Cổ Tùng Báo, là tờ báo tích cực yểm trợ cho Đông Kinh Nghĩa Thục, đăng tải những bài kêu gọi lòng yêu nước, chống tục lệ phong kiến... Nhưng báo này chỉ ra được 8 tháng thì bị chánh quyền đóng cửa vào ngày 11.11.1907. Vài ngày sau khi Đảng Cổ Tùng Báo chết, tờ Lục Tỉnh Tân Văn ra mắt số 1 tại Sài Gòn.

5. Tan rã và lan tỏa

Đầu năm 1908 (tháng chạp năm Đinh Mùi) Toàn quyền Beau lệnh rút giấy phép Đông Kinh Nghĩa Thục, lấy cơ nơi này có nhiều hoạt động mờ ám, có thể làm cho lòng dân náo động

Nghĩa Thục bị đóng cửa

Trước đó, cuối 1907, thấy nhiều đồng chí hoạt động quá kịch liệt, không còn trong khuôn khổ Nghĩa Thục (mua khí giới chở về Hà thành, đưa thanh niên lên Yên Thế với Đề Thám...), sợ Nghĩa Thục bị đổ vỡ, trong một cuộc họp, Lương Văn Can đề nghị với các hội viên tách làm hai phe, ai ôn hoà thì ở lại, ai muốn bạo động thì biệt lập ra. Đề nghị được mọi người tán thành. Nhưng thực dân Pháp đã nhanh tay hơn.

Cùng với việc rút giấy phép là cuộc bố ráp lục soát, nhưng vì đoán được trước nên trường đã cho thủ tiêu hết những giấy tờ quan trọng, như bản in các bài ca ái quốc và nhất là những sách do Phan Bội Châu từ hải ngoại gửi về. Hầu hết tài liệu này được bí mật chuyển qua nhà ông Phương Sơn ở số 2, ngõ Phát Lộc để thiêu hủy. Không còn bằng cứ gì cụ thể, nên các thầy giáo và học viên chưa ai bị giam cầm.

Ba biến cố quan trọng

Các nhà nho tưởng như thế đã yên, không ngờ chỉ vài tháng sau những biến cố dồn dập xảy ra, khiến hầu hết các nhân vật của Đông Kinh Nghĩa thực đều bị liên lụy.

Trước hết là vụ kháng thuế ở Quảng Nam. Vụ này có ảnh hưởng rất lớn, mở đầu cho những cuộc biểu tình vĩ đại về sau. Hàng vạn quần chúng kéo nhau đến vây Toà sứ ở Quảng Nam, đưa yêu sách đòi giảm thuế. Viên Công sứ không chấp đơn, ra lệnh bắn vào đám đông làm một số người chết. Phong trào nhanh chóng lan ra khắp các tỉnh Trung kỳ. Chính phủ Pháp đổ tội cho Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng xúi giục. Trần Quý Cáp bị bắt đem ra chém tại Nha Trang, Huỳnh Thúc Kháng bị giam ở Hội An, Phan Châu Trinh lúc đó đang ở Hà Nội bị còng tay giải về Huế, chỉ có Phan Bội Châu đang ở Nhật, chúng không làm gì được.

Thứ hai là âm mưu bạo động của Đề Thám. Tháng 6.1908 Pháp dò la biết Đề Thám vẫn liên lạc với Phan Bội Châu, thu dụng thêm nghĩa binh ở miền Thanh Nghệ, lập thêm đồn, mua thêm vũ khí, nên ra tay trước: bắt và xử tử 12 người hoạt động cho Đề Thám, sau đó tấn công nghĩa quân. Khi người Pháp cho Đề Thám lập ấp ở vùng Nhã Nam, đó chỉ là giải pháp tạm thời để thăm dò lẫn nhau, chứ không khi nào họ chấp nhận có một khu vực ở Yên Thế lại được tự trị với quân đội, tài chính và hành chính riêng.

Nhưng đáng kể nhất là vụ đầu độc lính Pháp tại Hà Nội ngày 26.6.1908. Đây là một phần trong kế hoạch tấn công Hà Nội của nghĩa quân Đề Thám, nhưng chỉ thực hiện được việc đầu độc, cơ sự bị bại lộ, cuộc tấn công dự kiến từ Sơn Tây và Gia Lâm kéo về đã không thành. Viên Toàn quyền và tướng Tư lệnh tối cao quân đội Pháp cho lập toà án quân sự, gọi là Hội Đồng Đề Hình, quyết xử thật nặng vụ này: bếp Hiên cùng 6 người nữa coi việc nấu ăn trong trại lính Pháp bị xử tử. Nhiều nhà yêu nước của Đông Kinh

Nghĩa Thục cũng bị bắt và đem ra xét xử. Trong bản án của Hội Đồng Đê Hình tuyên ngày 15.10.1908 xử phạt các ông Nguyễn Quyền, Võ Hoàn, Lê Đại chung thân khổ sai; ông Dương Bá Trạc 15 năm tù; Dương Trọng Nho, Hoàng Tăng Bí 5 năm tù, vì các ông đã liên hệ không ít thì nhiều với âm mưu đầu độc. Tất cả các ông đều bị đày đi Côn Đảo. Khi ra đảo, họ gặp hai ông Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng cũng bị đày ra đây. Người đứng đầu Đông Kinh Nghĩa Thục là Lương Văn Can cũng bị bắt, vì không đủ chứng cứ buộc tội nên được thả ra sau đó. Nhưng đến sau vụ ném tạc đạn ở Hà Nội ngày 23.4.1913 cụ lại bị buộc tội và đày lưu xứ qua Nam Vang 10 năm. Một số nhà chí sĩ có cảm tình với Nghĩa Thục cũng bị vạ lây: Ngô Đức Kế bị đày ra Côn Đảo 14 năm, Nguyễn Thượng Hiền phải trốn qua Trung Quốc...

Bế cửa Đông du

Chính phủ Pháp muốn tiêu diệt hẳn phong trào cách mạng, nên không chỉ đàn áp ráo riết phong trào trong nước mà còn tìm mọi cách triệt phá tận gốc phong trào Đông du. Dựa vào hiệp ước đã ký, Pháp đề nghị Nhật giao cho họ những người lãnh đạo phong trào, giải tán và trục xuất các học sinh Việt Nam. “Vi gặp nhiều khó khăn tài chánh sau chiến tranh Nga – Nhật, chánh phủ Nhật phải nhìn nhận tất cả các thuộc địa của Pháp tại Á châu với hiệp ước ngày 10.7.1907, để đổi lấy một ngân khoản là 300 triệu quan tiền mà Pháp đã cho Nhật vay. Không bao lâu sau, chánh phủ Nhật tỏ ý không muốn sung nạp các cựu học sinh Việt Nam nữa” .

Trước tình thế trên, Phan Bội Châu thu xếp cho nhiều thanh niên Đông du tiếp tục sang Trung Quốc và Thái Lan. Năm 1909 Phan Bội Châu qua Bangkok, Kỳ ngoại hầu Cường Để cải trang làm bồi bàn về nước, được Nguyễn An Khương và Nguyễn An Cư đón ở Vũng Tàu, đưa về Sài Gòn và sau đó chu du nhiều nơi ở Nam kỳ để vận động tiền bạc và tổ chức lực lượng.

Dư âm

Trừ ông Lê Đại, do thực dân căm ghét tài làm thơ nôm châm chọc của ông mà đày ông đến 15 năm ở Côn Đảo, còn lại, năm 1910, những nhân vật của Nghĩa Thục đều được tha về đất liền nhưng đều phải biệt xứ. Ông Nguyễn Quyền bị an trí ở Bến Tre, Dương Bá Trạc ở Long Xuyên, Võ Hoàn ở Sa Đéc. Cũng trong năm đó, nhờ những vận động của Hội nhân quyền Paris, Phan Châu Trinh được ân xá nhưng phải an trí ở Mỹ Tho, sau đó, khi được trả tự do hoàn toàn, ông đã tìm đường sang Pháp.

Nhờ tư cách cùng chí khí, các nhà cách mạng Nghĩa Thục khi bị an trí trong Nam đều được đồng bào kính trọng. Đông đảo những người ngưỡng mộ đã cho con em theo học. Một số đồng các nhà cách mạng từ 1925 trở về sau vẫn tự hào là hồi nhỏ đã được các ông dạy bảo. Thực dân Pháp đâu ngờ án

đầy biệt xứ lại giúp các ông gieo mầm cách mạng ở nơi khác.

Nguyễn Trọng Tín (Sài Gòn tiếp thị)

Chú thích:

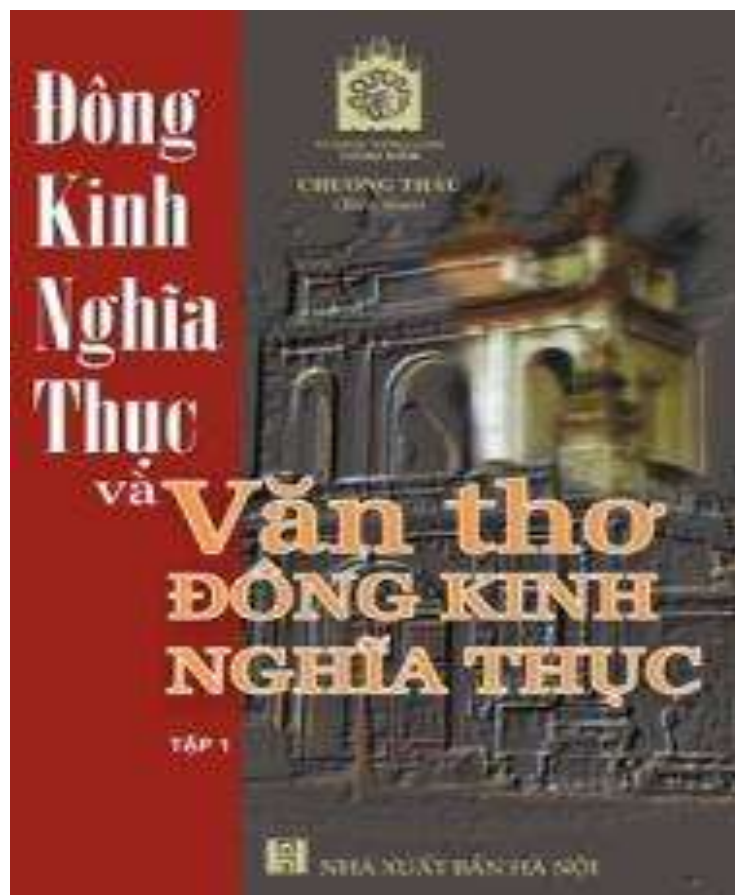
(1) Gác tàu mã: gác lớn mà các nhà Hà Nội xưa thường có. Sở dĩ gọi là gác tàu mã, vì nó rộng và dài, như có thể cho ngựa chạy trên đó được.

(2) Ông còn có tên là Nguyễn Hàm, hiệu Tiểu La, người làng Thạnh Mỹ (Quảng Nam), vừa là sáng lập viên Duy Tân hội, vừa là người phụ trách phong trào Đông du, năm 1908 bị đày ra Côn Đảo, mất ngoài đảo năm 1911.

(3) Lương Nghị Khanh là con thứ tư của Lương Văn Can, rất thông minh, 17 tuổi đã đậu tú tài, người quen thường gọi là Tú con.

Nguồn: <http://khaisang.blogspot.com.au/2013/07/nhin-lai-phong-trao-ong-kinh-nghia-thuc.html> (www.saigontiepthi.vn)





Chuyển đến: [Lê-Thụy-Chi](#)

Ngày 18/8/4893 – Giáp Ngọ (11/9/2014)

www.vietnamvanhien.net